

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-4-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Vượng

Bà Phạm Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị Thùy T, sinh năm 1977, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1978, có mặt

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Cao Thị Thùy T trình bày: Bà Cao Thị Thùy T và ông Bùi Văn Q, sinh năm 1978, địa chỉ: Tổ 8, khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước tìm hiểu nhau và đã tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 6 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cự cãi và xúc phạm nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm lo lắng chăm sóc, yêu thương và tôn trọng nhau. Bà T thấy cuộc sống tình cảm vợ chồng không còn, hiện nay vợ chồng đã ly thân nên bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Bùi Văn Q.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Thùy T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Bùi Văn Q. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Văn M, sinh năm 1997 hiện nay đã trưởng thành và cháu Bùi Văn H, sinh năm 2007. Hiện nay cháu Hùng tự nguyện ở với cha là ông Bùi Văn Q nên bà T đồng ý giao cháu Hùng cho ông Q nuôi dưỡng đến khi trưởng thành tự lao động được. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T, ông Q tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà T, ông Q tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà T, ông Q tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Bùi Văn Q trình bày: Ông Bùi Văn Q và bà Cao Thị Thùy T, sinh năm 1977, địa chỉ: Tổ 8, khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước tìm hiểu nhau và đã tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 6 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến thời gian gần đây bà T tự ý bỏ đi khỏi nhà theo người nào ông Q không biết. Do ông Q không có lỗi và hiện nay vẫn còn yêu thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Cao Thị Thùy T. Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm cháu Bùi Văn M, sinh năm 1997 và cháu Bùi Văn H, sinh năm 2007. Do hiện nay cháu Bùi Văn M đã trưởng thành nên ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung cháu Bùi Văn H, sinh năm 2007. Do cháu Hùng tự nguyện ở với ông Q được ông Q nuôi dưỡng nên ông Q tự nguyện nuôi dưỡng cháu Bùi Văn H đến khi trưởng thành tự lao động được. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Q, bà T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Ông Q, bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông Q, bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Thùy T về việc bà Cao Thị Thùy T được ly hôn với ông Bùi Văn Q. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự giao cháu Bùi Văn H, sinh năm 2007 cho ông Bùi Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành tự lao động được. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Q, bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: Đương sự khai tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: Bà Cao Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn Q, có nơi cư trú tại: Tổ 4, khu phố 2, thị trấn Tân Khai, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bà Cao Thị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Cao Thị Thùy T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Thùy T thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, giấy chứng nhận kết hôn thấy rằng: Bà Cao Thị Thùy T và ông Bùi Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 6 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Đây là hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Bà T cho rằng do ông Q không tôn trọng vợ, thường xúc phạm vợ khiến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vì vậy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, bà T không muốn chung sống với ông Q nên nhất quyết ly hôn. Qua xác minh nơi cư trú của đương sự tại khu phố 2, thị trấn Tân Khai, huyện H, tỉnh Bình Phước đã xác định vợ chồng bà T, ông Q có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là không còn tin tưởng và yêu thương tôn trọng nhau nên vợ chồng không còn chung sống với nhau, hiện nay bà T, ông Q đã ly thân. Phía bị đơn ông Q cũng xác định hiện nay bà T đã tự ý bỏ nhà đi không còn chung sống với ông Q và cho rằng việc bà T tự ý bỏ nhà đi không phải lỗi của ông Q nên ông Q không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Quá trình giải quyết ly hôn Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà T không đồng ý tiếp tục chung sống với ông Q với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cự cãi và xúc phạm nhau, không còn quan tâm lo lắng chăm sóc, yêu thương và tôn trọng nhau nên bà T không thể tiếp chung sống với ông Q hạnh phúc được nên vẫn nhất quyết ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T, ông Q đã kéo dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà T yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Qua xác minh thực tế hiện nay con chung cháu Bùi Văn H đang được ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hơn nữa các cháu Bùi Văn H có nguyện vọng được ở với với cha là ông Bùi Văn Q. Quá trình giải quyết vụ án ông Q, bà T thỏa thuận giao con chung cháu Bùi Văn H cho ông Q nuôi dưỡng đến khi trưởng thành tự lao động được nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này của đương sự

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án Ông Q, bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3] Về án phí:

Nguyên đơn bà Cao Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Thùy T về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Bùi Văn Q

Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Thùy T được ly hôn với ông Bùi Văn Q

Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2000 ngày 01/6/2010 của Ủy ban nhân dân xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc giao con chung cháu Bùi Văn H, sinh năm 2007 cho ông Bùi Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành tự lao động được

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Q, bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

3. Về án phí: Bà Cao Thị Thùy T phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tạm

ứng án phí số 0005042 ngày 23/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG QUỐC THÀNH